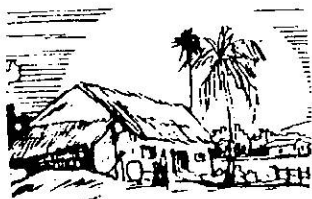


HOÀNG ĐẠO LƯỢNG

Nạn Hồng Thủy Tại Bắc Việt



Nói đến hồng thủy, nhiều người nghĩ rằng hai chữ ấy nghĩa là nước đỏ, vì người Pháp gọi con sông lớn ở Bắc Việt là Fleuve Rouge, nghĩa là Sông đỏ. Nhưng chữ hồng thủy đây là nạn nước lớn, nước lũ, gây lụt lội, một thiên tai đe dọa miền châu thổ Bắc Việt hàng năm.

Sông ở Bắc Việt: Bắc Việt có hai con sông chính, sông Nhị Hà và Thái Bình. Sông Nhị Hà lớn hơn, nước lũ mạnh hơn nhiều.

Sông Nhị Hà bắt nguồn từ Tây Tạng, chảy qua Vân Nam rồi vào Bắc Việt tại Lao Cai, qua Yên Bái, Việt Trì, Hà Nội, Hưng Yên rồi ra biển. Thượng lưu Nhị Hà có vài tên khác tùy theo địa phương chảy qua, như vùng Lâm Thao thì tên là Thao Giang, vùng Phú Lương thì tên là Lương Giang. Từ Sơn Tây ra biển, sông có nhiều khúc uốn cong như hình cái vành tai, nên có tên là Nhĩ Hà, chữ Nhĩ (chữ Hán) một bên có chữ Nhĩ là tai, nhiều người quen gọi là Nhị Hà. Triền sông Nhị Hà có hai sông nhánh là sông Lô và sông Đà chảy vào Nhị Hà tại vùng Việt Trì, và một nhánh chảy ra biển là sông Đáy.

Triền sông Thái Bình gồm ba con sông: sông Cầu chảy qua Đáp Cầu, sông Thương chảy qua Phủ Lạng Thương, và sông Lục Nam chảy qua Lục Nam, đều bắt nguồn từ thượng du Bắc Việt, hợp nhau tại vùng Phả Lại thành sông Thái Bình chảy ra biển. Hai triền sông thông nhau bằng sông Đuống ở vùng Bắc Ninh và sông Luộc ở vùng Hưng Yên. Vùng Phả Lại có tên là Lục Đầu giang, vì nơi đó có sáu ngã sông: sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Thái Bình và sông Bạch Đằng. Đây là một nơi yếu hiểm, đã giúp quân ta đại thắng quân Tàu xâm lăng trong hai trận Bạch Đằng Giang năm 938 và

1288.

Mưa Ngâu: Mỗi năm, cuối hè sang thu là mùa mưa, nhất là tháng 7 tháng 8 âm lịch mưa nhiều, thường kéo dài sang tháng 9 có khi tháng 10. Tháng 7 là tháng bắt đầu mưa nhiều, xưa gọi là mưa ngâu, tháng 7 là tháng ngâu. Huyền thoại nói Ngưu Lang một anh chăn trâu, Chức Nữ con Trời, hai người lấy nhau làm vợ chồng, Trời giận đày mỗi người một bên sông Ngân Hà. Nhưng vì đã thành vợ chồng, nên Trời cho mỗi năm gặp nhau một lần, có đàn quạ nối nhau làm cầu bắc qua sông gọi là cầu Ô Thước (ô là quạ). Hai người gặp nhau khóc lóc, nước mắt chảy xuống thành mưa, tràn ngập sông ngòi gây nên nạn lụt, đồng ruộng đầy nước không cấy cấy được.

Bão: Sự thật là thời tiết thay đổi xuân sang hạ nên sinh gió mùa. Những đám mây nặng hơi nước và nhất là những luồng bão được tạo nên tại vùng trời Phi Luật Tân, bị gió mùa thổi theo chiều Tây Tây Bắc qua vịnh Bắc Việt vào lục địa vùng cao nguyên Bắc Việt và Vân nam, gặp khí lạnh sơn cước đông lại thành mưa lớn đổ xuống như thác. Thường mưa ở Vân Nam nhiều, nước đổ xuống lưu vực sông Nhị Hà và sông Lô khiến cho nước sông dâng cao. Nhưng cũng có năm mưa nhiều ở cao nguyên Bắc Việt, nước đổ xuống lưu vực sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam.

Đê: Từ xưa dân cư hai bên sông đã đắp đê ngăn nước lũ để làm ruộng, dần dần đê đắp cao và to hơn. Khi tôi đến làm việc tại khu Thủy Nông 2 (1935) thì các đê thuộc triền sông Nhị Hà đã được tăng cường khả quan, có nơi đê cao 6 đến 8 thước chân rộng trên 30 thước, tổng cộng chiều dài các đê vào khoảng 1700 kilômét theo tôi nhớ.

Hộ đê: Tháng 6 dương lịch bắt đầu sắp đặt công việc hộ đê. Phòng Hộ đê là phòng kỹ thuật Thủy nông 2, anh Đỗ Xuân Dung phụ trách. Không có chức trưởng phòng chính thức, chúng tôi cũng làm dưới quyền kỹ sư Pháp là Trưởng khu. Anh Dung giữ việc tổng quát. Có ba nhóm thay phiên nhau làm việc ngày đêm, ngoài giờ làm việc thường lệ. Mỗi nhóm có một trưởng nhóm, là anh Đoàn Cận, anh Nguyễn thúc Giuấn hoặc tôi, với một thư ký, một họa viên, một tùy phái, là bốn người. Thí dụ nhóm A ngày 1 làm suốt sáng trưa chiều, ngày 2 làm sáng chiều và đêm, suốt đến sáng ngày 3 được về ngủ bù buổi sáng, chiều lại làm, ngày 4 lại như ngày 1. Buổi trưa và đêm, nằm giường vải cạnh điện thoại, có chuông reo nhóm ngay dậy nghe. Nếu điện thoại xin vật liệu như bao tải, xẻng cuốc, đèn đêm, v.v..thì sai tùy phái, hay họa viên, hay thư ký, đem lệnh xuống nhà xe, có những xe vận tải chất đủ vật liệu cùng tài xế chờ sẵn. Nếu điện thoại báo việc quan trọng thì phải gọi anh Dung, anh Dung đến mà thấy cần thì báo cho Trưởng khu.

Cán sự canh đê: Gần đến mùa mưa, cán sự các khu thuộc Nha Công Chính Bắc Việt, đi công tác các nơi, đều lục tục về Hà Nội, vì công tác do đặc hay khảo sát ngoài trời phải đình chỉ trong mùa mưa. Về Hà Nội, các cán sự ấy được đặt dưới quyền Thủy Nông 2 để phân phát đi canh đê khắp nơi.

Trách nhiệm nặng nề trong việc hộ đê thuộc về các cấp hành chính, từ tỉnh phủ huyện đến tổng xã đốc thúc dân phu. Cán sự chuyên môn chỉ là cố vấn kỹ thuật, nhưng nếu phạm lỗi cũng bị khiển trách. họ phải liên lạc hàng ngày với phòng Hộ Đê, khi khẩn cấp thì gọi điện thoại.

Biến trạng thân đê: Biến trạng thông thường trong thân đê là thấm lậu, khi trong thân đê có kẽ hở, nước sông theo đó thấm qua thân đê chảy ra ngoài sườn đê phía đông. Nếu nước trong chảy ra thì không quan trọng, chỉ cần làm máng bằng cây tre bỏ đôi hoặc bẹ cây chuối dẫn nước ra ruộng khỏi ướt chân đê, và canh chừng phòng khi nước đục. Thấm lậu nước đục nghiêm trọng hơn, vì đất trong thân đê bị nước trôi đi dần, lâu ngày thành lỗ hổng lớn có thể làm sụp đê. Tuyệt đối không được bịt kín lỗ thấm lậu, vì nước ngấm vào thân đê không thoát ra được, phát sinh sức ép có thể phá ra, rất nguy hiểm. Lấy cát sỏi nhồi vào lỗ làm một thứ lọc để giữ đất lại, chỉ để nước trong chảy ra. Nếu nước trong dần là kết quả tốt, trái lại nếu nước chảy ra dần dần đục hơn thì nghiêm trọng, một mặt báo ngay về phòng Hộ Đê, một mặt đắp cao mặt đê hoặc một con trạch phòng khi đê sụp, nước sông sẽ tràn qua mặt đê và phá đê nhanh chóng.

Cũng có khi cần đắp đất lên sườn đê phía sông, hy vọng bịt được lỗ do đó nước chảy vào thân đê thành thấm lậu nước đục. Đất đựng trong bao tải thả xuống sườn đê, rồi đóng một hàng cọc giữ cho bao tải không bị nước trôi đi.

Khi nước sông lên cao gần đến mặt đê mà vẫn còn lên, phải cấp tốc đắp con trạch trên mặt đê, để giữ cho mặt đê không bị nước tràn. Tình hình nghiêm trọng, phải báo về ngay.

Trong khi nước sông lên cao và đồng ruộng cũng ngập nước mưa, chỉ có đê cao ráo, nên kiến và mối hay làm tổ trong thân đê. Nếu có lỗ là đường chúng đi thông ra hai bên, nước sông thấm vào thành đường thấm lậu, thì còn thấy được mà canh chừng. Nhưng nhiều khi chỉ có đường thông ra một bên, không có thấm lậu thì không biết được, nó sẽ làm yếu thân đê dễ vỡ. Đã có lần một

chiếc xe bò chở nặng đi trên đê bị sụp một bánh, đào lên thì thấy một tổ mối rất lớn. Mối đã bỏ đi nơi khác, cao chừng 1.5m ngang 2.5m dài 4m. May sao đã hết mùa mưa, và tổ mối không có đường thông ra sông, nếu có mà đột nhiên đê vỡ, thì không ai biết tại sao. Trong hồ sơ khi ấy có tấm hình chụp làm kỷ niệm.

Khi đê đã vỡ rồi thì vô phương cứu vãn, nước chảy mạnh như thác, phá to rất nhanh chóng. Tuy vậy cũng có khi gặp trường hợp nhẹ có thể hàn gắn được, nhưng phải hội đủ điều kiện, là người có trách nhiệm sáng suốt bình tĩnh, những người giúp việc thông thạo đặc lực, những vật liệu cần thiết đem đến nhanh chóng. Một chiếc thuyền chở đầy đá học được kéo đến gần chỗ vỡ và đánh đắm đúng miệng vỡ để cản bớt sức nước chảy, rồi những lồng bằng lưới sắt chất đầy đá được thả xuống quanh thuyền. Nước chảy yếu dần, rồi thả những bao tải đầy đất lấp hẳn miệng vỡ. Bấy giờ đắp đê lại như cũ. Nói thì dễ dàng ngon lành, nhưng làm thì khó vô cùng, thất bại là thường. Trường hợp thành công rất hiếm. Tất nhiên.

Tai họa năm 1937: Như tôi đã nói, những luồng bão từ Phi Luật Tân thường đổ mưa xuống vùng Vân Nam nhiều khiến cho nước triền sông Nhị Hà lên cao. Năm 1937 lại khác hẳn, mưa nhiều ở thượng du Bắc Việt và mưa ít tại Vân Nam, nên nước triền sông Nhị Hà lên ít, mà triền sông Thái Bình bị tai họa khủng khiếp, chúng tôi không ngờ. Trong nhiều ngày, những trận bão liên tiếp đã đổ mưa xuống cao nguyên đất Bắc, đất rừng núi cùng cây cỏ đã sưng nước rồi không thể ngấm thêm được nữa để giảm bớt số nước chảy xuống sông ngòi. Thế mà lại được tin điện báo trước rằng một luồng bão mạnh nữa được tạo nên tại

vùng trời Phi Luật Tân và hướng về phía Bắc Việt. Bốn anh em Dung Cận Giuần và tôi nhìn nhau xanh mắt. Mỗi sáng lại được tin luồng bão càng gần, vẫn theo hướng tây tây bắc. Khi ta vào rừng gặp cốp nó tiến đến mà takhông có đường tránh chỉ còn chờ nó đến, thời gian hồi hộp rất ngắn. Lúc này chúng tôi thấy nguy cơ từ từ đi đến, ngày này sang ngày khác, vô phương chạy thoát, sự hồi hộp kéo dài trong thời gian tưởng như vô tận! Cuối cùng nó cũng đến. Trong giờ làm việc thường lệ đã vất vả hơn trước nhiều, buổi trưa và đêm có một mình, vất vả không thể tả!

Mưa đổ xuống như thác trên rừng núi, toàn thể nước mưa dồn cả vào ba con sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, lòng sông nhỏ quá hứng không hết, dề vỡ lung tung, nước tràn khắp nơi. Cuối mùa kiểm điểm lại, đếm được hơn trăm chỗ vỡ, cổ kim chưa bao giờ có!

Trong buổi thường trực trưa và đêm, phòng có một mình nằm cạnh bàn đặt điện thoại, chốc chốc chuông reo nhóm dậy lại nghe báo một dề vỡ. Hết sai tùy phái, đến họa viên, đến thư ký, đem lệnh xuống cho tài xế lái xe đi cấp cứu, cuối cùng đến lượt mình phải đi, trên phòng Hộ Đê đã có anh Dung và Trưởng khu. Từ trên tầng thượng tòa nhà Công Chánh bốn tầng, phải chạy xuống ba tầng thang, tức là chín đợt thang, rồi chạy xuống nhà xe ở phía sau để ra lệnh, rồi lại chạy trở lên chín đợt thang, đã không ngủ được, lại chạy như thế một đêm mấy lần, thì sức nào chịu nổi? Anh Dung tuy không phải chạy, nhưng đêm đêm phải đến, ngày vẫn làm hai buổi, cao lớn khỏe như voi, mà lúc này voi cũng phải gục, lại gục trước tiên! Thế là ba anh em còn lại thay nhau làm việc của bốn người.

Tuy rằng thường trực một buổi trưa rồi được nghỉ nhà hai buổi trưa,

thường trực một đêm rồi được ở nhà hai đêm, nhưng vì thần kinh bị căng thẳng quá độ, nên khi ngủ nhà hay bị hốt hoảng, tưởng như có tiếng chuông reo vội choàng nhồm dậy, không còn được ngủ yên như trước để lại sức. Hôm ấy tôi đã mệt dừ, chiều đến sở định nhờ anh Cận hay anh Giuần tạm thay tôi một đêm, chẳng ngờ anh Giuần cũng gục rồi, mà anh Cận mới thường trực đêm trước, không làm sao được, tôi miễn cưỡng phải đến. Sau một đêm cũng “hăng hái” (!!!) như những đêm trước, sáng hôm sau chờ anh Cận đến thay, tôi ra về. Xét mình không thể cầm cự được nữa, tôi đành xin hàng, vào ngay đường đường Saint Paul mời bác sĩ có tiếng nhất là Le Roy des Barres, đến thăm và xem thấy nước tiểu của tôi, không còn nước tiểu nữa mà chỉ là mấy chục giọt máu tươi, bác sĩ nói: “C’est du sang, il n’y a pas de doute.” (đúng là máu, không còn nghi ngờ gì nữa). Nhưng không có bệnh, không có thuốc chữa, chỉ là mệt quá sức đứt mạch máu trong thận, nằm nghỉ ít lâu là hết. Nhưng bộ thận đã bị phang một đòn hết sức nặng rồi.

Còn lại một mình anh Cận, nằm ăn vạ ở phòng Hộ Đê suốt ba ngày hai đêm, chờ gọi được mấy anh đi canh dề về thay, anh Cận mới được về nhà, thế mới biết anh Cận dẻo dai nhất đám. Có thử lửa mới rõ vàng thau, anh Dung cao lớn sức lực nhất lại gục đầu tiên, anh Giuần cũng mập mập dầy dề hơn anh Cận thì gục thứ hai, tôi nhỏ bé nhất thì gục thứ ba.

Đến nay hơn nửa thế kỷ đã trôi qua mà tôi vẫn còn nhớ rõ, nó đã in sâu vào thần kinh tôi, không quên được.

Đòn nặng đánh vào thận tôi, đã di hại không ít, vì thận yếu rồi, không hồi lại như trước nữa. Năm sau tôi bị thêm một đòn nặng: tôi thất nội trợ. Tuy rằng lần này, đòn

không đánh vào thận mà đánh vào thần kinh, nhưng thần kinh bị đòn, thì toàn thân cũng bị mệt, nhân đây ảnh hưởng đến thận tất phải nhiều. Chẳng bao lâu trong thận phát sinh một cục sỏi (calcul).

Mấy bác sĩ chữa cho tôi, không ai nói đến việc mổ để lấy cục sỏi ra, vì bấy giờ, hơn nửa thế kỷ về trước, ai cũng sợ mổ. Trong hai năm dài tưởng như 20 năm, tôi phải chịu biết bao đau đớn, vì cục sỏi có nhiều gai lại lớn dần, mỗi khi chuyển động và trôi xuống bàng quang, gai của nó cọ vào đầu làm cho chảy máu ở đó, đi tiểu ra máu không biết bao nhiêu lần. Lúc đầu còn xin nghỉ một tháng có lương, rồi đến sáu tháng nửa lương, sau cùng phải nghỉ một năm không lương. Đó là phần thưởng cho tôi đã làm phận sự trong mùa nước lớn 1937, thế nhưng bấy nhiêu chưa đủ, phần thưởng còn nữa chưa hết.

Cuối 1941, cục sỏi xuống đến cạnh bàng quang thì mắc kẹt lại, lâu dần sinh mủ, mủ lan vào máu gây nên những cơn sốt kịch liệt. Tôi phải vào bệnh viện Phủ Doãn, có bác sĩ Pháp và năm bác sĩ Việt Nam đều là những tay giải phẫu giỏi. Tuy vậy bác sĩ săn sóc tôi cũng muốn cố tránh việc mổ, vì bấy giờ chưa có những phương tiện tối tân và nhất là chưa có thuốc trụ sinh như ngày nay, nên việc mổ vẫn còn e ngại, “không biết sẽ đi về đâu”, lời các bác sĩ nói. Thử làm cách khác lấy cục sỏi ra qua đường tiểu tiện hai lần không được, đau không thể tưởng, tôi cân sụt mất 2 kilos! Sốt càng tăng, sốt liên miên đến cực độ (42 độ C = 98.6 độ F). Đi tiểu ra ống thủy tinh, nửa trên vàng trong là nước tiểu, nửa dưới trắng đục hoàn toàn là mủ. Bác sĩ Pháp nói: “Cần phải mổ càng sớm càng hay”

Việc mổ rất kỳ sốt, đang sốt mà mổ thì nguy hiểm hết sức. Nhưng tình trạng đã đến lúc nguy kịch lắm

rồi, phải liều, không thể chờ đợi được nữa. Sáng hôm sau bác sĩ Pháp mổ, 5 bác sĩ Việt dự, và sinh viên trường thuốc, y tá, v.v... ước 40 người trong phòng, vì trường hợp ít có. Mổ lâu đến 47 phút, hôm ấy giữa mùa đông phòng không có sưởi, mà bác sĩ tìm cục sỏi đến toát mồ hôi mới lấy được ra, tôi mình trần như nhộng rét quá. Tôi không được đánh thuốc mê sợ nguy hiểm, chỉ có thuốc tê cho đỡ đau, vẫn tỉnh vẫn biết từ đầu đến cuối, khi thuốc tê hết hiệu lực, đau sót không thể tả.

Về giường nằm, bụng còn để ngỏ một lỗ để hàng ngày thụt nước vào rửa mủ, còn mủ thì còn sót dữ dội, 21 ngày sạch mủ rút ống ra, bụng mới liền trở lại. Hôm ngồi xe kéo ra khỏi bệnh viện, tôi bàng hoàng không biết thật hay mê, vì tôi đã yên chí rằng sẽ ra khỏi nơi này nằm giữa sáu tấm ván!

Vài tháng sau tại nhà một người thân, tôi gặp một trong năm bác sĩ ở bệnh viện. Thấy tôi, ông nói ngay: "Vous avez une chance formidable" (ông đã được may mắn lạ thường). Tôi biết, tôi biết rằng những ai trong bệnh viện biết trường hợp của tôi, không ai bảo rằng tôi có thể qua khỏi. Tôi đã qua khỏi 21 ngày bụng để ngỏ, tôi đã qua khỏi những cơn sót dữ dội, là một sự lạ. Trời đã cứu tôi, sau khi tôi bị giáng một đòn chí tử.

HOÀNG ĐẠO LƯỢNG

tháng 7 năm 1995



Đính Chính

1) Trong Bản Tin AHCC số 66, tháng 9-95 trang 147 bài thơ Mừng Bạn Xuất Gia, câu đầu "Liên hoa một bó kính anh Thu" xin đọc là "Liên Hoa một đóa kính anh Thu". Xin cáo lỗi cùng tác giả và anh em.

2) Trong bài viết về "Nói Chuyện Về Trường Công Chánh" trang 48 số 66 có thiếu đoạn dưới đây:

Ban Phụ Trách Lá Thư lúc đó hay Ban Đặc Trách Tập Kỳ Yếu sẽ cho in và gởi đến các AH để giữ làm kỷ niệm. Thỉnh thoảng trong lúc rảnh rỗi hay khi về già sẽ giở ra đọc để nhớ lại kỷ niệm về Trường xưa. Đoạn có gạch dưới là những chữ thiếu.

3) Trong Bản Tin Ái Hữu Công Chánh số 66, tháng 09-1995, có đăng bài "65 Năm Phát Triển Phi Trường Việt Nam" với tên tác giả: AH Nguyễn Đức Súly. Thực sự, bài này có hai tác giả: AH Nguyễn Đức Súly chỉ là tác giả của Phần 2 - Thời Kỳ Việt Nam (1955-1975), còn tác giả của Phần 1 - Thời Kỳ Pháp (1910-1954) là AH Nguyễn Mạnh Cung. Bài này nguyên được đăng lần đầu tiên trong tập "Nhịp Cầu Hàng Không" số 22, phát hành năm 1995 với chủ đề Hướng Về Quê Hương. Nhịp Cầu Hàng Không là bức thư liên lạc của các cựu nhân viên ngành hàng không ở Việt Nam trước 1975, do một nhóm cựu nhân viên ở Paris phụ trách. Sau đó, với sự đồng ý với Nhịp Cầu Hàng Không, bài ấy được đăng lại trong Bản Tin Ái Hữu Công Chánh số 66, nhưng tên tác giả ghi không được hoàn toàn đúng và không có sự chú dẫn về bài đăng lại. Vậy xin nói rõ như trên để tránh sự hiểu lầm.

4) Trong Bản Tin số 66 trang 43 từ hàng 11 đến hàng 22 bài Sinh Hoạt Hướng Đạo tại Việt Nam. Xin đọc lại cho đúng như sau "..." Để con em chúng ta làm được sứ mạng thiêng liêng nói trên, ngay bây giờ chúng ta phải gắng giằng dạy con em chúng ta biết và không quên tiếng mẹ đẻ, biết những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Tuyển Mộ Nhảy Dù

Bên Pháp, Sở Tuyển Mộ Nhảy Dù phổ biến một cáo bạch như sau:

– Bạn trẻ nên nhớ: nhảy dù chưa nguy hiểm bằng băng qua đường có xe hơi qua lại.

Một thanh niên liền viết thư cho Sở Tuyển Mộ:

– Đồng ý qua đường còn nguy hiểm hơn nhảy dù. Nhưng nhà tôi lại ở bên này đường, trong khi Sở Tuyển Mộ ở bên kia đường, nên sợ nguy hiểm, tôi không dám băng qua đường.